TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH PT** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2019/HSST
Ngày: 18/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B (Tên gọi khác: Không **) s**inh năm 1971 tại xã X, huyện TT, tỉnh PT; Nơi cư trú: Khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phan Thị N, sinh năm 1928; có vợ Phan Thị A, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/02/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã X, huyện TT, tỉnh PT (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Minh T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT
2. Nguyễn Minh T1, sinh năm 1968
Địa chỉ: Khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT
3. Phan Văn Tiến, sinh năm 1955
Địa chỉ: Khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT
4. Phùng Văn H,sinh năm 1983
Địa chỉ: Khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT
5. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1975
Địa chỉ: Khu 15, xã X, huyện TT, tỉnh PT

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 08/01/2019, tại nhà ở của Nguyễn Văn B, sinh năm 1971, ở khu 16, xã X, huyện TT, tỉnh PT, Công an huyện TT bắt quả tang B đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1975, ở khu 15, xã X, huyện TT và Nguyễn Minh T, sinh năm 1979, ở khu 16, xã X, huyện TT với tổng số tiền là 9.630.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã đưa đối tượng cùng toàn bộ tang vật đã thu giữ về trụ sở Công an huyện để làm rõ nội dung vụ việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn B khai nhận:

Do muốn có thêm thu nhập cho bản thân nên bị cáo B đã nhận làm thư ký ghi số lô, số đề cho Nguyễn Hữu Tùng – Sinh năm 1974, ở khu 11, xã X, huyện TT, tỉnh PT để hưởng tiền chênh lệch và hoa hồng. Hàng ngày, sau khi bán số lô, số đề cho khách thì bị cáo tổng hợp các số lô, số đề đã bán vào một tờ giấy (gọi là "bảng lô, đề") rồi chuyển cho Tùng bằng cách trực tiếp đem đến nhà của Tùng ở khu 11, xã X hoặc dùng hai số điện thoại 0982.623.438 và 0375.710.956 lắp trong chiếc điện thoại di động OPPO (đã bị Cơ quan thu giữ) gọi đến số điện thoại 0978.867.030 hoặc 0356.698.810 của Tùng để chuyển "bảng lô, đề" cho Tùng. Về số đề, người mua đến mua số đề của bị cáo thì bị cáo sẽ trừ cho người đó từ 20% đến 25% tổng số tiền người đó bỏ ra mua số đề, sau khi nộp bảng cho Tùng thì Tùng sẽ trừ cho bị cáo 27%. Với số lô, bị cáo bán cho khách 22.500đ đến 23.000đ/1 điểm lô, khi nộp bảng cho Tùng thì Tùng tính cho bị cáo 22.000đ/1 điểm. Bị cáo và Tùng thỏa thuận, sau khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày thì sẽ xác định thắng thua và thanh toán tiền với nhau. Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 08/01/2019, khi bị cáo đang ở nhà thì có Nguyễn Minh Tâm đến gặp và hỏi mua của bị cáo các số lô, số đề với tổng số tiền là 4.730.000đ, sau đó có Nguyễn Văn Trung đến mua các số lô, số đề của B với tổng số tiền là 4.900.000đ. Khi B vừa nhận tiền Tâm đưa thì bị Công an huyện TT bắt quả tang.

Căn cứ lời khai của bị cáo B, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã T2 hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hữu Tùng tại khu 11, xã X, huyện TT nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động OPPO bên trong lắp hai sim số 0982.623.438 và 0375.710.956 tạm giữ của Nguyễn Văn B phát hiện 01 tin nhắn từ số điện thoại 0356.698.810 đến số điện thoại 0982.623.438 vào hồi 11 giờ 29 phút ngày 08/01/2019 với nội dung "bag am 4720 – cu bag du 2039" và 01 tin nhắn đi từ số điện thoại 0375.710.956 đến số điện thoại 0356.698.810 với nội dung "ok". B khai nhận, tin nhắn đến trên là do Tùng gửi cho B để thông báo về bảng đề B chuyển cho Tùng ngày 07/01/2019 B bị thua 4.720.000đ và B còn dư số tiền 2.039.000đ, tin nhắn đi với nội dung "ok" là B trả lời tin nhắn của Tùng.

Ngày 23/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã gửi Công văn đến Trung tâm Viettel tỉnh PT yêu cầu cung cấp nhật ký cuộc gọi của 04 số điện thoại 0982.623.438, 0375.710.966, 0978.867.030 và 0356.698.810. Tài liệu của Trung tâm Viettel tỉnh PT cung cấp thể hiện: Hồi 14 giờ 55 phút 26 giây ngày 10/12/2018, số điện

thoại 0375.710.956 gọi đến số điện thoại 0978.867.030 với thời lượng 19 giây; Hồi 16 giờ 28 phút 18 giây số điện thoại 0978.867.030 gọi đến số điện thoại 0982.623.438 với thời lượng 66 giây; Hồi 11 giờ 21 phút 34 giây số điện thoại 0375.710.956 gọi đến số điện thoại 0978.867.030 với thời lượng 7 giây. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu Tùng khai nhận, thời gian trước Tùng có sử dụng hai số điện thoại 0978.867.030 và 0356.698.810 lắp trong 01 chiếc điện thoại di động Samsung màn hình cảm ứng, nhưng sau đó chiếc điện thoại bị hỏng nên Tùng đã vứt bỏ chiếc điện thoại cùng 02 sim số bên trong. Còn nội dung các tin nhắn, cùng lịch sử các cuộc gọi đi và đến giữa số điện thoại của Tùng và B, Tùng khai là do Tùng nhắn tin và gọi điện nhầm chứ Tùng không liên quan đến việc bán số lô, số đề của của B và cũng không nhận bảng lô, đề của Bàng.

Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, ngày 11/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn B về tội Đánh bạc theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra, nội dung vụ án được xác định như sau: Bị cáo B không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ ghi xổ số, lô tô Nhà nước. Tuy nhiên, do muốn có thêm thu nhập nên vào khoảng đầu năm 2018, bị cáo đã trực tiếp đứng ra ghi số lô, số đề cho những người có nhu cầu mua để hưởng lợi. Về cách thức đánh bạc, bị cáo và những người chơi thỏa thuận với nhau cụ thể như sau: Lấy kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày để làm căn cứ xác định thắng thua, số tiền thắng thua sẽ được bị cáo và người mua thanh toán vào ngày hôm sau, sau khi đã có kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc của ngày hôm trước. Về số đề, người chơi có thể mua của bị cáo một hoặc nhiều số có 2 chữ số từ 00 đến 99 với số tiền tùy ý cho mỗi số. Các số này sau đó sẽ được đem ra so sánh với 2 chữ số cuối giải đặc biệt của kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc trong ngày hôm đó để xác định thắng thua. Nếu số đề người chơi đã mua trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt thì người mua sẽ là người thắng cuộc và B phải trả cho người đó số tiền gấp 70 lần số tiền người đó đã bỏ ra để mua số đề đã trúng thưởng. Và ngược lại, nếu số đề người chơi đã mua không trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt thì người mua là người thua cuộc và mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua số đề đó cho bị cáo. Trong số đề có quy ước bóng: 0 bóng 5; 1 bóng 6; 2 bóng 7; 3 bóng 8; 4 bóng 9. Ngoài cách chọn từng số riêng lẻ để mua, người chơi có thể mua các số theo bộ: Dây, tổng, đầu, đuôi, kép. Dây là 1 bộ gồm 08 số trong các cặp bóng. Ví dụ: Dây 01 bao gồm 08 số trong bộ 0 bóng 5, 1 bóng 6 là 01; 10; 06; 60; 15; 51; 56; 65. Bộ tổng gồm các số khi cộng hai chữ số của số đó lại ra số tổng người chơi đã chọn hoặc chữ số cuối của tổng hai chữ số là số tổng người chơi đã chọn. Ví dụ: Tổng 1 gồm các số: 01; 10; 29; 92; 38; 83; 47; 74; 56; 65. Bộ đầu bao gồm tất cả các số có chữ số đầu trùng với số người chơi đã chọn. Ví dụ: Đầu 0 gồm các số: 00; 01; 02; 03... đến 09. Bộ đuôi gồm tất cả các số đề có chữ số thứ 2 trùng với số người chơi đã chọn. Ví dụ: Đuôi 9 gồm các số: 09; 19; 29...99. Kép gồm có kép lệch và kép bằng, kép bằng gồm 10 số có hai chữ số giống nhau từ 00 đến 99, kép lệch gồm các số có hai chữ số là bóng của nhau, ví dụ: 05; 50; 16; 61... Đối với số lô, cũng giống như số đề, người chơi có thể mua của bị cáo một hoặc nhiều số có 2 chữ số từ 00 đến 99 nhưng mỗi số sẽ mua theo điểm. Người mua có thể mua không giới hạn điểm cho

mỗi số lô, mỗi điểm được quy đổi ra số tiền tương ứng là 22.500đ. Các con số này sau đó được đem ra so sánh với 2 chữ số cuối của tất cả 27 giải được Công ty xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày. Nếu số lô người chơi đã mua trùng với 2 chữ số cuối của một trong 27 giải của kết quả mở thưởng xổ số thì người đó là người thắng cuộc và bị cáo phải trả cho người đó số tiền tương ứng với số điểm người đó đã bỏ ra mua số lô đã trúng thưởng là 80.000đ/1 điểm. Ngược lại, nếu số lô người chơi đã mua không trùng với 2 chữ số cuối của bất kì giải nào trong 27 giải của kết quả xổ số thì người mua là người thua cuộc và mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua số lô đó cho Bàng. Ngày 08/01/2019, tại nhà ở của mình, bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức bán các số lô, số đề cho một số người, cụ thể như sau:

- Bán cho Nguyễn Văn Kính – Sinh năm 1965, thường trú tại khu 16, xã X, huyện TT các số đề 39, 83, 37, 73, 48, 84, 98, 89, 08, 80, 07, 70, 47, 74, 97, 79 mỗi số 10.000đ, tổng là 160.000đ. Sau khi ghi các số đề Kính mua vào 01 tờ giấy ("cáp đề" số 05 bị Cơ quan Công an thu giữ) thì B tính toán và trừ phần trăm cho Kính nên Kính chỉ phải trả cho B số tiền 123.000đ và Kính đã trả cho B số tiền trên.

- Bán cho Nguyễn Minh Trâu – Sinh năm 1968, ở khu 16, xã X, huyện TT các số đề thuộc dây 01, 02, 12 mỗi dây 80.000đ, tổng là 240.000đ. Sau khi ghi các số đề Trâu mua vào 01 tờ giấy ("cáp đề" số 06 bị Cơ quan Công an thu giữ) thì B tính toán và trừ phần trăm cho Trâu nên Trâu chỉ phải trả cho B số tiền 180.000đ. Tuy nhiên, những ngày trước đó Trâu có mua các số lô, đề của B và trúng thưởng 700.000đ và B chưa thanh toán cho Trâu nên B trừ đi số tiền Trâu mua số lô, số đề ngày 08/01/2019 còn lại 520.000 đồng, B đã trả đủ cho Trâu.

- Bán cho Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1989, ở khu 7, xã Trung Nghĩa, huyện TT các số đề 53=100.000đ, số đề 54=24.000đ, tổng là 124.000đ. Sau khi ghi các số đề Tùng mua vào 01 tờ giấy ("cáp đề" số 08 bị Cơ quan Công an thu giữ) thì B tính toán và trừ phần trăm cho Tùng nên Tùng chỉ phải trả cho B số tiền 100.000đ, tuy nhiên Tùng vẫn nợ và chưa thanh toán số tiền trên cho Bàng.

- Bán cho Phan Văn Tiến, sinh năm 1955, ở khu 16, xã X, huyện TT các số đề 27, 72, 05, 12, 17 mỗi số 10.000đ; các số đề 45, 54 mỗi số 5.000đ, tổng là 60.000đ. Sau khi ghi các số đề T2 mua vào 01 tờ giấy ("cáp đề" số 07 bị Cơ quan Công an thu giữ) thì B tính toán và trừ phần trăm cho T2 nên T2 chỉ phải trả cho B số tiền 46.000đ. Do trước đó (bàng và T2 không nhớ ngày cụ thể), T2 có mua các số đề của B và còn nợ B số tiền 167.000đ, ngày 07/01/2019, T2 trúng thưởng 700.000đ, nên sau khi trừ đi số tiền T2 nợ và số tiền T2 mua các số đề ngày 08/01/2019, B đã thanh toán nốt số tiền còn lại là 487.000đ cho Tiến.

- Bán số lô, số đề cho Nguyễn Minh T, sinh năm 1979, ở khu 16, xã X, huyện TT: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 08/01/2019, Nguyễn Minh T, sinh năm 1979, ở khu 16, xã X, huyện TT đến nhà B gặp và hỏi mua các số lô, số đề của B thì B đồng ý. Sau đó, B lấy ra 01 tờ giấy trắng rồi ghi các số lô, số đề Tâm mua của B cùng số tiền tương ứng vào đó (gọi là "cáp đề") để làm căn cứ đối chiếu khi có kết quả. Các số lô, số đề Tâm mua của B gồm: số lô 11=60 điểm, số lô 41, 67, 76 mỗi số 20 điểm, số đề 11=1.500.000đ, số đề

16=400.000đ. Tổng số tiền Tâm mua các số lô, số đề của B thể hiện trên "cáp đề" là 4.600.000đ (cáp đề đánh số 01, bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang). Sau khi B trừ tiền hoa hồng cho Tâm thì Tâm còn phải trả cho B số tiền 4.130.000đ. Tuy nhiên, do những ngày trước Tâm mua các số lô, số đề của B trúng thưởng tổng số tiền là 15.240.000đ (Tâm trúng thưởng trong nhiều ngày, mỗi ngày trúng thưởng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ) và B vẫn chưa thanh toán cho Tâm nên B trừ đi số tiền Tâm mua số lô, số đề ngày 08/01/2019, B còn nợ Tâm số tiền 11.110.000đ.

- Bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1975, ở khu 15, xã X, huyện TT: Sau khi B bán số lô, số đề cho Tâm xong, Trung cũng đến hỏi mua số lô, số đề của B thì B đồng ý. Sau đó Trung lấy ra 01 tờ giấy ("cáp đề" đánh số 10, bị Cơ quan điều tra thu giữ trên người Trung khi bắt quả tang) có ghi các số lô và số đề cùng số tiền mua tương ứng rồi đọc để B ghi vào 01 tờ giấy B chuẩn bị từ trước (Là "cáp đề" số 04, bị Cơ quan điều tra thu giữ tại túi áo ngực bên trái của B khi bắt quả tang) trong đó thể hiện các số lô, số đề Trung mua gồm là: số lô 17=100 điểm, các số đề 14, 41, 57, 75, 45, 54, 43, 34 mỗi số 50.000đ. Tổng số tiền Trung mua số lô, số đề của B thể hiện trên "cáp đề" là 4.900.000đ, sau khi B tính toán và trừ tiền hoa hồng cho Trung thì Trung chỉ phải trả cho B số tiền là 4.800.000đ và Trung đã trả cho B số tiền trên (Số tiền này được B cất vào túi áo ngực bên phải và đã bị Cơ quan Công an thu giữ).

- Sau khi bị cáo bán số lô, số đề cho Trung xong thì Tâm lại tiếp tục hỏi mua của B số đề 50=130.000đ nên B lấy tờ giấy ghi số đề Tâm mua thêm vào đó ("cáp đề" số 02 bị Cơ quan Công an thu giữ). Sau khi được B trừ cho 30.000đ tiền hoa hồng, Tâm đã trả cho B số tiền 100.000đ (Số tiền này được B cất vào túi áo ngực bên phải và đã bị Cơ quan Công an thu giữ).

Đối với "cáp đề" được đánh số 03 bị Cơ quan Công an thu giữ, bị cáo khai nhận đó là "cáp đề" lúc trước bị cáo ghi cho T, nhưng sau đó Tâm hủy bỏ nên bị cáo đã gạch chéo vào cáp đề đó.

Để tránh bị cơ quan Công an phát hiện nên hàng ngày, sau khi chuyển "bảng đề" cho Tùng và có kết quả, trả thưởng cho khách trúng thưởng xong thì bị cáo đã hủy bỏ tất cả các cáp đề và bảng đề trong ngày đó. Riêng bảng đề ngày 07/01/2019, bị cáo chưa kịp hủy thì bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang vào ngày 08/01/2019 cùng các cáp đề tại túi áo ngực bên trái ("cáp đề" được đánh số 09). Tổng số tiền thể hiện trên bảng đề ngày 07/01/2019 là 6.227.000đ (Trong đó ngoài các số lô, đề bán cho khách, bị cáo còn tự ghi thêm các số đề thuộc tổng 27 (tổng 2 và tổng 7)=200.000đ và số lô 84=10 điểm).

Như vậy, hành vi đánh bạc ngày 08/01/2019 của bị cáo bị phát hiện khi chưa có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền bắc của ngày hôm đó nên xác định số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là tiền bị cáo đã bán số lô, số đề cho cho Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Kính, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn Tùng và Phan Văn T2 trong ngày 08/01/2019 là 10.214.000đ. (Mười triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Ngoài ra bị cáo còn khai nhận: Ngày 06/01/2019 và 07/01/2019, tại nhà ở của mình B có bán các số lô, số đề cho một số người tuy nhiên do không còn lưu lại cáp đề và bảng đề nên không nhớ cụ thể tên tuổi địa chỉ cụ thể của người mua cũng như số lô,

đề cùng số tiền mua tương ứng. B chỉ nhớ trong những người mua số lô, số đề của B trong ngày 06/01/2019 có Phùng Văn H – Sinh năm 1983, ở khu 16, xã X, huyện TT mua các số đề 57, 75, 56, 65, 96, 69, 15, 51, 87, 78 mỗi số 5.000đ; số lô 55, 50, 34 mỗi số 5 điểm, tổng là 387.500đ. Ngày 07/01/2019, B tiếp tục bán cho H các số đề 93, 39, 43 mỗi số 10.000đ, các số đề 79, 97, 29, 92, 34, 16, 61 mỗi số 5.000đ, tổng là 65.000đ. Như vậy hai ngày 06/01/2019 và 07/01/2019 H mua các số lô, đề của B với tổng số tiền là 452.500đ, sau khi được B trừ đi tiền hoa hồng, H còn phải trả cho B số tiền 429.500đ, số tiền này H chưa trả cho Bàng.

Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề của bị cáo vào ngày 07/01/2019 với những đối tượng không xác định được, bị phát hiện sau khi đã có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó, nên số tiền đánh bạc của bị cáo được xác định là tiền bị cáo bán số lô, số đề cho người mua cùng số tiền bị cáo tự bỏ ra mua số lô, số đề và số tiền bị cáo và người chơi đã trúng thưởng ngày hôm đó, với tổng số tiền là 8.427.000đ, trong đó tiền B thu được từ việc bán số lô, số đề là 6.227.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được những người đã mua số lô, số đề của bị cáo vào ngày 07/01/2019 mà chỉ có lời khai nhận của Bàng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B đã tự giác giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT số tiền 21.816.000đ, và cơ quan điều tra thu giữ trong túi áo của bị cáo 5.270.000đ là tiền bị cáo thu được từ việc bán số lô, số đề và tiền người chơi trúng thưởng nhưng bị cáo chưa thanh toán cho họ; Nguyễn Minh Tâm giao nộp số tiền 4.630.000đ, là tiền Tâm mua số lô, số đề của B nhưng chưa thanh toán cho Bàng; Nguyễn Minh Trâu giao nộp số tiền 520.000đ, là tiền trúng thưởng B thanh toán cho Trâu sau khi đã trừ tiền Trâu mua số lô, số đề của Bàng; Phan Văn T2 giao nộp số tiền 487.000đ, là tiền trúng thưởng B thanh toán cho T2 sau khi đã trừ tiền T2 mua số lô, số đề của Bàng; Phùng Văn H giao nộp 429.500đ, là tiền H mua số lô, số đề của B vào các ngày 06 và 07/01/2019 nhưng chưa thanh toán cho Hậu.Tổng số tiền đang tạm giữ là: 33.152.500đ

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTT ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố Nguyễn Văn B về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo B từ: 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử T2 hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên toà cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 08/01/2019, tại khu 16 xã X, huyện TT, tỉnh PT, bị cáo B đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Trung các số lô, đề với tổng số tiền là 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng),Nguyễn Minh Tâm các số lô, đề với tổng số tiền là 4.730.000đ (bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), Nguyễn Văn Kính các số đề với tổng số tiền là 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng), Nguyễn Minh Trâu các số đề với tổng số tiền là 240.000đ (hai trăm bốn mươi nghìn đồng), Phan Văn T2 các số đề với tổng số tiền là 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng). Các đối tượng trên cùng ở xã X, huyện TT và bị cáo khai đánh với Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1989, ở khu 7, xã Trung Nghĩa, huyện TT các số đề với tổng số tiền là 124.000đ (một trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Các số lô, đề khi bán cho các đối tượng, được bị cáo ghi từng người vào 01 tờ giấy gọi là "cáp đề". Như vậy xác định tổng số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc với các đối tượng trong ngày 08/01/2019 là 10.214.000đ (mười triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng). Hành vi của bị cáo B đã phạm tội Đánh bạc, được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*"

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự trị an xã hội, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm minh. Do vậy cần phải xét sử nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương, bị cáo chỉ làm ruộng không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo không có việc làm nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần là phù hợp quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo B không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

- Ngoài ra, bị cáo cùng với các đối tượng T1, Tiến, Tâm khai khoảng tháng 9 và tháng 11 năm 2018 có hành vi mua số lô, đề với bị cáo B một số lần với tổng số tiền trúng thưởng trong các lần đối với Trâu là 700.000đ, T2 700.000đ, Tâm 15.240.000đ tổng số là: 16.640.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Cơ quan Điều tra công an huyện TT đã T2 hành điều tra nhưng không xác định được từng lần đánh và từng lần trúng thưởng của từng ngày với số tiền bao nhiêu, do đó không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với bị cáo;

[4] Ngoài ra bị cáo cũng như Phùng Văn H xác định: Ngày 06/01/2019 và 07/01/2019, tại nhà ở của B, bị cáo đã đánh với H các số đề với tổng số tiền là 452.500đ (bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

[5] Đối với Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Kính, Nguyễn Minh T1, Phan Văn T2 và Phùng Văn H đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề của Bàng. Tuy nhiên số tiền của từng người sử dụng vào mục đích đánh bạc chưa đến mức xử lý về hình sự, bản thân những người này không có tiền án, tiền sự nên Công an huyện TT đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trung, T, Kính, T1, H và T2 theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là phù hợp;

[6]Đối với Nguyễn Văn Tùng theo lời khai của bị cáo, Tùng là người đã mua của B các số lô, số đề với tổng số tiền là 124.000đ (một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) vào

ngày 08/01/2019. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã T2 hành triệu tập Tùng để làm rõ, nhưng Tùng không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của bị cáo thì không có chứng cứ khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn Tùng trong vụ án này, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau, xét thấy phù hợp;

[7] Đối với Nguyễn Hữu Tùng, sinh năm 1974, ở khu 11, xã X, huyện TT, tỉnh PT, theo lời khai của bị cáo B, đó là người đã nhận bảng lô, đề do bị cáo chuyển. Tuy nhiên, kết quả điều tra không chứng minh được việc Tùng có liên quan đến hoạt động mua bán số lô, số đề của B, và bản thân Tùng cũng không thừa nhận có liên quan đến việc mua bán số lô, số đề. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hữu Tùng.

[8]Đối với lời khai nhận của bị cáo về hành vi ngày 07/01/2019, bị cáo đánh bạc bằng hình thức bán số lô, đề cho một số người không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, với tổng số tiền là 8.427.000đ (tám triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng), quá trình điều tra cũng không xác định được những người đã mua số lô, số đề của B vào ngày 07/01/2019 mà chỉ có lời khai nhận của Bàng. Do đó không đủ căn cứ để xử lý về trách nhiệm hình sự đối với hành vi bán số lô, đề của bị cáo vào ngày ngày 07/01/2019, do đó cần tách ra, khi nào làm rõ xử lý sau;

[9] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 33.152.500đ trong đó có 10.214.000đ là tiền bị cáo thu lời bất chính do đánh bạc ngày 08/01/2019 cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền tham gia dánh bạc của H với bị cáo vào ngày 06 và 07 tháng 01 năm 2019 là 452.500đ (bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Theo hướng dẫn nghị quyết 01/2010 của Hội đồng thẩm phán TAND TC thì số tiền trên không tính vào tổng số tiền đánh bạc ngày 08/01/2019 đối với bị cáo, tuy nhiên xác định là số tiền bị cáo B với Phùng Văn H tham gia đánh bạc, cần tịch thu xung ngân sách nhà nước;

- Đối với số tiền 16.640.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). là khoản tiền do bị cáo cùng với các đối tượng T1, Tiến, Tâm khai do trúng thưởng khi tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề với bị cáo trước ngày 08/01/2019 do bị cáo chưa trả cho người trúng thưởng, nên bị cáo tự nguyện giao nộp cho cơ quan Điều tra để sung ngân sách Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp, do đó cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 5.846.000đ (năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) là khoản tiền bị cáo khai bán số lô, đề cho các đối tượng vào ngày 06 và 07 tháng 01 năm 2019, nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của những người đánh, nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự do đó cần trả lại cho bị cáo, khi nào làm rõ xử lý sau, xét thấy phù hợp;

- Đối với 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ bìa có in và viết nhiều hàng chữ số tự nhiên theo từng tháng là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng hồng bên trong lắp sim số 0982.623.438 và sim số 0375.710.956 của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

[7] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Đánh bạc"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019), quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo B cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh PT giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Tiếp tục duy trì biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện TT, tỉnh PT đối với bị cáo đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn B phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 27.306.500đ (hai mươi bảy triệu ba trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) là tiền do bị cáo cùng các đối tượng Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T1, Phan Văn T2 và Phùng Văn H sử dụng đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 5.846.000đ (năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ bìa có in và viết nhiều hàng số tự nhiên theo từng tháng;

- Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng;

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.TT,
- VKSND tỉnh PT;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã X (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng